

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
BỘ MÔN KINH TẾ - XÃ HỘI NÔNG THÔN**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

Cần Thơ, tháng 8 năm 2024

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC **TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP**

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 2606/QĐ-ĐHCT ngày 28 tháng 06 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh Nông nghiệp được mô tả như sau:

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Kinh doanh Nông nghiệp
Tên chương trình (tiếng Anh)	Agricultural business
Mã số ngành đào tạo	7620114
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Bằng Cử nhân
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	141 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy, Vừa làm vừa học, Đào tạo từ xa
Thời gian đào tạo	04 năm
Đối tượng tuyển sinh	- Người có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương; - Người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng liên thông lên trình độ đại học hình thức chính quy (người tốt nghiệp cao đẳng nghề không thuộc đối tượng này). - Người đã tốt nghiệp trình độ đại học, học liên thông để nhận thêm một bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy.
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4); đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (kể cả chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và công nghệ thông tin). - Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và An ninh phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10);

	- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
Vị trí việc làm	- Người học sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc ở các vị trí khác nhau: Nhân viên, chuyên viên đến cán bộ quản lý tại các phòng chức năng trong các công ty/doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, thương mại, thương mại dịch vụ liên quan đến các hàng hóa, dịch vụ trong nông nghiệp và thương mại trực tuyến; công ty xuất nhập khẩu liên quan đến các hàng hóa, dịch vụ trong nông nghiệp; - Chuyên viên các cơ quan xúc tiến thương mại, các văn phòng đại diện thương mại, các cơ quan nhà nước; - Giảng viên và nghiên cứu viên và: làm việc tại các cơ sở giáo dục, đơn vị nghiên cứu, tư vấn liên quan về tổ chức sản xuất và kinh doanh doanh thương mại trong nông nghiệp; - Tự tạo lập doanh nghiệp hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân và làm chủ khởi nghiệp sáng tạo.
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo	- Hình thành thói quen học tập suốt đời, có khả năng cập nhật kiến thức, tiếp tục nghiên cứu và học tập chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế và quản kinh doanh thương mại nông nghiệp; - Có khả năng học tiếp các chương trình đào tạo sau đại học trong các chuyên ngành kinh tế và kinh doanh thương mại.
Tham khảo khi xây dựng chương trình đào tạo	- Luật Giáo dục đại học; Khung Trình độ quốc gia Việt Nam; Khung Năng lực ngoại ngữ Việt Nam; yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học (Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT); Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (Thông tư 03/2014/TT-BTTTT); - Chương trình đạo tạo đại học ngành Kinh doanh nông nghiệp của Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, chương trình quản trị kinh doanh nông nghiệp tiên tiến của Học viện Nông nghiệp Việt Nam và chương trình đào tạo ngành Kinh doanh nông nghiệp của Đại học Arkansas của Mỹ.
Thông tin về đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo	- Trường Đại học Cần Thơ đã được chứng nhận đạt chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2013 – 2028 (chu kỳ 2). - Chứng nhận kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2024.
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng 06 năm 2024

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu đào tạo chung

Chương trình cử nhân Kinh doanh nông nghiệp đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng để tham gia vào các hoạt động tổ chức sản xuất, kinh doanh thương mại các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ trong nông nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm nhân viên, điều phối viên, chuyên gia, quản lý ở các bộ phận kinh doanh, marketing, chuỗi cung ứng, thu mua, dự án, đầu tư hoặc xuất nhập khẩu trong lĩnh vực nông nghiệp.

2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể

Mục tiêu đào tạo cụ thể của chương trình đào tạo:

- a. Trang bị cho sinh viên kiến thức về pháp luật, lý luận chính trị, quốc phòng an ninh, ngoại ngữ và công nghệ thông tin để đáp ứng nhu cầu công việc chuyên môn;
- b. Trang bị cho sinh viên kiến thức về các quy luật, nguyên lý trong kinh tế, kinh doanh và tổ chức sản xuất trong nông nghiệp;
- c. Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ để tổ chức và thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh trong chuỗi cung ứng nông sản;
- d. Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng tư duy, giải quyết vấn đề và lãnh đạo;
- e. Rèn luyện cho sinh viên các năng lực tự chủ, tinh thần học tập suốt đời và có trách nhiệm, đạo đức với cộng đồng và xã hội.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo Ngành Kinh doanh nông nghiệp trình độ đại học, người học có khả năng:

3.1. Kiến thức

3.1.1. *Khối kiến thức giáo dục đại cương*

a) Trình bày được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, pháp luật và ngoại ngữ;

b) Vận dụng được các lý thuyết cơ bản về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh.

3.1.2. *Khối kiến thức cơ sở ngành*

a) Giải thích được các quy luật, nguyên lý, nguyên tắc, bối cảnh, tình huống và hiện tượng về kinh tế, kinh doanh, tài chính, pháp luật và hệ thống sản xuất của ngành nông nghiệp;

b) Vận dụng được các nguyên lý và phương pháp trong nghiên cứu, quản lý và kinh doanh nông nghiệp.

3.1.3. *Khối kiến thức chuyên ngành*

a) Áp dụng được kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ của kinh doanh để tổ chức và thực hiện

hoạt động sản xuất, kinh doanh trong chuỗi cung ứng nông sản;

b) Xây dựng được kế hoạch kinh doanh, phát triển thị trường, quản lý tài chính, tổ chức sản xuất và kinh doanh nông nghiệp, hệ thống tổ chức sản xuất và phân phối nông sản của các công ty trong và ngoài nước.

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng cứng

a) Thực hiện được các báo cáo phân tích hoạt động kinh doanh, đánh giá thị trường và toàn bộ hệ thống tổ chức sản xuất và kinh doanh nông nghiệp, thách thức của môi trường kinh tế - xã hội đến môi trường kinh doanh để chủ động ứng phó trong hoạt động của đơn vị mình;

b) Xây dựng được chiến lược và thực hiện chiến lược trong kinh doanh nông nghiệp.

3.2.2. Kỹ năng mềm

a) Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin ứng dụng trong lĩnh vực kinh doanh, quản lý và ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu);

b) Thành thạo kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, phản biện, xử lý tình huống, truyền đạt, quan hệ công chúng, dẫn dắt, khởi nghiệp, nghiên cứu khoa học và kỹ năng tự học, nghiên cứu để bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

3.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

a) Thể hiện được tác phong chuyên nghiệp, năng động, tư duy độc lập, tự chủ, cầu thị, hợp tác, đổi mới sáng tạo và thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc;

b) Thể hiện sự tự tin, lòng nhiệt tình, niềm đam mê, sự thích nghi đối với sự thay đổi, ý thức và tinh thần trách nhiệm công dân, có phẩm chất chính trị đạo đức, có ý thức kỷ luật, biết xem xét và chấp nhận các quan điểm khác nhau.

4. Tiêu chí tuyển sinh

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Cần Thơ.

5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo cụ thể (1)	Chuẩn đầu ra											
	Kiến thức 2.1						Kỹ năng 2.2				Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (2.3)	
	Giáo dục đại cương (2.1.1)		Cơ sở ngành (2.1.2)		Chuyên ngành (2.1.3)		Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)			
	a	b	a	b	a	b	a	b	a	b	a	b
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
1.2a	X	X							X			
1.2b			X	X								
1.2c				X	X	X	X	X				
1.2d							X	X		X		
1.2.e											X	X

5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)											
			Kiến thức (2.1)						Kỹ năng (2.2)				Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (2.3)	
			Giáo dục đại cương (2.1.1)		Cơ sở ngành (2.1.2)		Chuyên ngành (2.1.3)		Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)			
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	a	b	a	b	a	b	a	b	a	b
		Khối kiến thức Giáo dục đại cương	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
1.	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)		1								1		1
2.	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)		1								1		1
3.	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)		2								2		2
4.	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)		3								3		3
5.	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)		2								2		3
6.	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	1								1			1
7.	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	2								2			2
8.	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3								3			3
9.	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	3								3			3
10.	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3								3			3
11.	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3								3			3
12.	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	1								1			1
13.	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	2								2			2
14.	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3								3			3
15.	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	2								3			3
16.	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	2								3			3
17.	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	2								3			3
18.	TN033	Tin học căn bản (*)	2								3			3
19.	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	3								3			3

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)											
			Kiến thức (2.1)						Kỹ năng (2.2)				Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (2.3)	
			Giáo dục đại cương (2.1.1)		Cơ sở ngành (2.1.2)		Chuyên ngành (2.1.3)		Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)			
			a	b	a	b	a	b	a	b	a	b		
TT	MSHP	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
20.	ML014	Triết học Mác - Lênin	1									2		3
21.	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	1									2		3
22.	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1									2		3
23.	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	1									2		3
24.	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1									2		3
25.	KL001E	Pháp luật đại cương	1									2	3	
26.	TN010	Xác suất thống kê	2									2	3	
27.	KT105	Toán kinh tế 1	2									2	3	
28.	KT022	Kỹ năng giao tiếp	3									3	3	
29.	XH028	Xã hội học đại cương	1									2	3	
30.	KN001E	Kỹ năng mềm	3									3	3	
31.	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	3									3	3	
		Khối kiến thức cơ sở ngành												
32.	KT101	Kinh tế vi mô 1			1	2								
33.	KT102	Kinh tế vĩ mô 1			1	2								
34.	KT471	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh			1	2				2		2		
35.	HG151	Phương pháp nghiên cứu khoa học - KDNN			1	2						2		
36.	KL215	Luật thương mại			1							2		
37.	HG105	Sản xuất và kinh doanh trong trồng trọt			1	2			2	2		2		2
38.	HG106	Sản xuất và kinh doanh trong chăn nuôi			1	2			2	2		2		2
39.	HG107	Sản xuất và kinh doanh trong thủy sản			1	2			2	2		2		2
40.	KT103	Quản trị học			1	2				2		2	2	2
41.	KT104	Marketing căn bản			1	2			2	2		2		
42.	KT106	Nguyên lý kế toán			1	2								
43.	HG152	Thực tập cơ sở ngành Kinh doanh nông nghiệp			1				2			2	2	2
44.	KT318	Kinh tế nông nghiệp			1				2					
45.	PD327	Kinh tế phát triển nông thôn			1									
46.	KT113	Kinh tế lượng			1									
47.	HG255	Công nghệ bảo quản và chế biến nông-lâm-thủy sản			1				2	2		2		
		Khối kiến thức chuyên ngành												
48.	KT411	Phân tích chính sách nông nghiệp				2		3	2	2		2		2
49.	HG251	Tổ chức sản xuất và kinh doanh nông nghiệp				2	3	3	2	2	2	2		2
50.	HG252	Thương mại nông nghiệp				2	3	3	2	2	2	2		2
51.	HG253E	Anh văn chuyên ngành Kinh doanh nông nghiệp			2		2					3		2

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)											
			Kiến thức (2.1)						Kỹ năng (2.2)				Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (2.3)	
			Giáo dục đại cương (2.1.1)		Cơ sở ngành (2.1.2)		Chuyên ngành (2.1.3)		Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)			
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	a	b	a	b	a	b	a	b	a	b
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
52.	HG108	Tiêu chuẩn thị trường nông sản				3	3	3	2	3	2	2		3
53.	KT393	Phân tích hoạt động kinh doanh			2		3	3	2	3	2	2		2
54.	HG254	Xây dựng và quản lý dự án kinh doanh				2	2	3	2	3	3	2		2
55.	KT243	Quản trị rủi ro trong thị trường nông sản				2	3	3	2	2	2	2		2
56.	HG201E	Khởi sự doanh nghiệp nông nghiệp					3	3	2	3	3	2	2	2
57.	HG256E	Quản trị và điều hành các tổ chức kinh tế hợp tác					3	3	3	3	2	2		2
58.	KT428	Kỹ thuật đàm phán						2	2	2	2	3	3	2
59.	HG257	Thực tập chuyên ngành – KDNN					3	3	2	2	2	3	2	2
60.	KT206E	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp									2	3	3	3
61.	KT337	Thương mại điện tử					2	3	3	3	3	2		2
62.	PD321	Phân tích chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị sản phẩm				2	3	3	3	3	2	2		2
63.	HG109	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu nông sản					3	3	3	3	2	2	2	2
64.	KT207	Mô phỏng tình huống trong kinh doanh					3	3	3	3	2	2		2
65.	KT361	Quản trị thương hiệu					2	3	2	2	2	2		2
66.	KT308	Quản trị tài chính					2	3	2	2	2	2		2
67.	KT362	Quản trị thương mại					2	3	2	2	2	2		2
68.	NS264E	Nông nghiệp công nghệ cao					3	3	3	3	2	2		2
69.	HG351	Luận văn tốt nghiệp - KDNN					3	3	3	3	2	3	3	3
70.	HG352E	Tiểu luận tốt nghiệp - KDNN					3	2	3	2	2	3	3	3
71.	KT420E	Dự báo kinh tế					2	3	3	3	2	2		2
72.	KT358E	Quản trị quan hệ khách hàng					2	3	2	2	2	2	2	2
73.	NS409	Quản lý và kiểm soát chất lượng sản phẩm					3	3	3	3	2	2		2
74.	HG354E	Chuyên đề tổng hợp Kinh doanh nông nghiệp					2	3	2	2	2	2		2
75.	HG153	Thực tập tốt nghiệp					2	3	2	3	2	2	2	2
76.	KT360	Quản trị sản xuất					2	3	3	3	2	2		2

Ghi chú: 1, 2, 3 là mức độ đóng góp của mỗi học phần trong chương trình đào tạo. Mức độ đóng góp:

1. Giới thiệu/Tiếp cận (I – Introduced): Người học trình bày được kiến thức một cách sơ lược; thực hiện được các thao tác ở mức độ lặp lại có hướng dẫn; tự nguyện tiếp nhận kiến thức thông tin.
2. Vận dụng/Tăng cường (R – Reinforced): Người học áp dụng được kiến thức để giải quyết những vấn đề tương tự; thực hiện được các kỹ năng ở mức độ thao tác; tích cực tham gia vào việc tiếp nhận thông tin.
3. Thông thạo (M – Mastered): Người học vận dụng sáng tạo những kiến thức và kỹ năng vào những tình huống thực tiễn; mô tả lại được những thao tác/quy trình mà mình đã được thực hành; chấp nhận, tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thẩm nhận các giá trị đạo đức và thừa nhận trách nhiệm với hành vi của bản thân.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Căn cứ Quyết định số 2606/QĐ-ĐHCT ngày 28 tháng 06 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình dạy học ngành Kinh doanh nông nghiệp được mô tả như sau:

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa	: 141 tín chỉ
Khối kiến thức giáo dục đại cương	: 47 tín chỉ (Bắt buộc: 32 tín chỉ; Tự chọn: 15 tín chỉ)
Khối kiến thức cơ sở ngành	: 41 tín chỉ (Bắt buộc: 38 tín chỉ; Tự chọn: 03 tín chỉ)
Khối kiến thức chuyên ngành	: 53 tín chỉ (Bắt buộc: 29 tín chỉ; Tự chọn: 24 tín chỉ)

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc c	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
Khối kiến thức Giáo dục đại cương										
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành		
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành		
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16	Bố trí theo nhóm ngành		
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành		
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	3		3		90			
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	AV	10T C AV hoặc PV	60				
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45			XH023	
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45			XH024	
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60			XH025	
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45			XH031	
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45			XH032	
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	PV		60				
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45			FL001	
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45			FL002	
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60			FL003	
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45			FL007	
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45			FL008	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		
25	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				
26	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45				
27	KT105	Toán kinh tế 1	3	3		45				
28	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	2		30				
29	XH028	Xã hội học đại cương	2		2	30				
30	KN001E	Kỹ năng mềm	2			20	20			
31	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			
Cộng: 47 TC (Bắt buộc: 32 TC; Tự chọn: 15 TC)										
Khối kiến thức cơ sở ngành										
32	KT101	Kinh tế vi mô 1	3	3		45				
33	KT102	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		45		KT101		
34	KT471	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh	3	3		45		TN010		
35	HG151	Phương pháp nghiên cứu khoa học - KDNN	3	3		30	30	KT471		
36	KL215	Luật thương mại	3	3		45				

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc c	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
37	HG105	Sản xuất và kinh doanh trong trồng trọt	2	2		20	20			
38	HG106	Sản xuất và kinh doanh trong chăn nuôi	2	2		20	20			
39	HG107	Sản xuất và kinh doanh trong thủy sản	2	2		20	20			
40	KT103	Quản trị học	3	3		45				
41	KT104	Marketing căn bản	3	3		45				
42	KT106	Nguyên lý kế toán	3	3		45				
43	HG152	Thực tập cơ sở ngành Kinh doanh nông nghiệp	2	2		10	40	≥70 TC		
44	KT318	Kinh tế nông nghiệp	3		3	45		KT101		
45	PD327	Kinh tế phát triển nông thôn	3			35	20	KT102		
46	KT113	Kinh tế lượng	3	3		45		KT471		
47	HG255	Công nghệ bảo quản và chế biến nông-lâm-thủy sản	3	3		30	30			
Cộng: 41 TC (Bắt buộc: 38 TC; Tự chọn: 3 TC)										
Khối kiến thức chuyên ngành										
48	KT411	Phân tích chính sách nông nghiệp	3	3		45				
49	HG251	Tổ chức sản xuất và kinh doanh nông nghiệp	3	3		30	30			
50	HG252	Thương mại nông nghiệp	3	3		30	30			
51	HG253E	Anh văn chuyên ngành Kinh doanh nông nghiệp	2	2		30				
52	HG108	Tiêu chuẩn thị trường nông sản	3	3		45				
53	KT393	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	3		45		KT106		
54	HG254	Xây dựng và quản lý dự án kinh doanh	2	2		25	10			
55	KT243	Quản trị rủi ro trong thị trường nông sản	2	2		30				
56	HG201E	Khởi sự doanh nghiệp nông nghiệp	2	2		20	20			
57	HG256E	Quản trị và điều hành các tổ chức kinh tế hợp tác	2	2		25	10			
58	KT428	Kỹ thuật đàm phán	2	2		25	10			
59	HG257	Thực tập chuyên ngành – KDNN	2	2			60	≥ 90 TC		
60	KT206E	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2		14	30				
61	KT337	Thương mại điện tử	2			30				
62	PD321	Phân tích chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị sản phẩm	3			30	30	KT101		
63	HG109	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu nông sản	3			45				
64	KT207	Mô phỏng tình huống trong kinh doanh	3			45		KT103, KT104, KT106		
65	KT361	Quản trị thương hiệu	3			45				
66	KT308	Quản trị tài chính	3			45				
67	KT362	Quản trị thương mại	3			45		KT104		
68	NS264E	Nông nghiệp công nghệ cao	2			25	10			
69	HG351	Luận văn tốt nghiệp - KDNN	10				300	≥ 105 TC		
70	HG352E	Tiểu luận tốt nghiệp - KDNN	4				120	≥ 105 TC		
71	KT420E	Dự báo kinh tế	3			45		KT471		
72	KT358E	Quản trị quan hệ khách hàng	3			45				
73	NS409	Quản lý và kiểm soát chất lượng sản phẩm	2			25	10			
74	HG354E	Chuyên đề tổng hợp Kinh doanh nông nghiệp	2				60	≥ 105 TC		
75	HG153	Thực tập tốt nghiệp	3		45					
76	KT360	Quản trị sản xuất	3		45					
Cộng: 53 TC (Bắt buộc: 29 TC; Tự chọn: 24 TC)										
Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 99 TC; Tự chọn: 42 TC)										

3. Kế hoạch dạy học

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành	HK thực hiện
Học kỳ 1 - năm 1 (2024-2025)										
1	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				
2	HG201E	Khởi sự doanh nghiệp nông nghiệp	2	2		20	20			
3	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				
4	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45				
5	TN033	Tin học căn bản	1	1		15				
6	TN034	TT. Tin học căn bản	2	2			60		TN033	
Tổng			13	13	0					
Học kỳ 2 - năm 1 (2024-2025)										
1	KL215	Luật thương mại	3	3		45				
2	TC100	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1		90			
3	KT103	Quản trị học	3	3		45				
4	KT105	Toán kinh tế 1	3	3		45				
5	HG106	Sản xuất và kinh doanh trong chăn nuôi	2	2		20	20			
Tổng			12	11	1					
Học kỳ 3 - năm 1 (2024-2025)										
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành		
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành		
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16	Bố trí theo nhóm ngành		
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành		
5	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2		2	20	20			
6	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				
7	KN001E	Kỹ năng mềm	2			20	20			
8	HG107	Sản xuất và kinh doanh trong thủy sản	2	2		20	20			
Tổng			12	10	2					
Học kỳ 1 - năm 2 (2025-2026)										
1	KT101	Kinh tế vi mô 1	3	3		45				
2	KT471	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh	3	3		45		TN010		
3	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4	60				
4	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		
Tổng			12	8	4					
Học kỳ 2 - năm 2 (2025-2026)										
1	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		
2	HG251	Tổ chức sản xuất và kinh doanh nông nghiệp	3	3		30	30			
3	KT113	Kinh tế lượng	3	3		45		KT471		
4	TC100	Giáo dục thể chất 2 (*)	1		1		90			
5	KT411	Phân tích chính sách nông nghiệp	3	3		45				
Tổng			12	11	1					
Học kỳ 3 - năm 2 (2025-2026)										
1	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		
2	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	2		30				
3	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45			XH023	
4	KT428	Kỹ thuật đàm phán	2	2		25	10			

5	KT318	Kinh tế nông nghiệp	3		3	45		KT101		
6	PD327	Kinh tế phát triển nông thôn	3			35	20	KT102		
Tổng			12	6	6					
Học kỳ 1 - năm 3 (2026-2027)										
1	HG152	Thực tập cơ sở ngành Kinh doanh nông nghiệp	2	2		10	40	≥70 TC		
2	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3		3	45			XH024	
3	HG252	Thương mại nông nghiệp	3	3		30	30			
4	HG108	Tiêu chuẩn thị trường nông sản	3	3		45				
5	TC100	Giáo dục thể chất 3 (*)	1		1		90			
Tổng			12	8	4					
Học kỳ 2 - năm 3 (2026-2027)										
1	HG253E	Anh văn chuyên ngành Kinh doanh nông nghiệp	2	2		30				
2	KT393	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	3		45		KT106		
3	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		
4	HG151	Phương pháp nghiên cứu khoa học - KDNN	3	3		30	30	KT471		
5	KT104	Marketing căn bản	3	3		45				
Tổng			13	13	0					
Học kỳ 3 - năm 3 (2026-2027)										
1	KT102	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		45		KT101		
2	KT106	Nguyên lý kế toán	3	3		45				
3	HG105	Sản xuất và kinh doanh trong trồng trọt	2	2		20	20			
4	HG257	Thực tập chuyên ngành - KDNN	2	2			60	≥ 90 TC		
Tổng			10	10	0					
Học kỳ 1 - năm 4 (2027-2028)										
1	HG254	Xây dựng và quản lý dự án kinh doanh	2	2		25	10			
2	HG256E	Quản trị và điều hành các tổ chức kinh tế hợp tác	2	2		25	10			
3	KT243	Quản trị rủi ro trong thị trường nông sản	2	2		30				
4	HG255	Công nghệ bảo quản và chế biến nông-lâm-thủy sản	3	3		30	30			
6	PD321	Phân tích chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị sản phẩm	3		3	30	30	KT101		
Tổng			12	9	3					
Học kỳ 2 - năm 4 (2027-2028)										
1	KT206E	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2		11	30				
2	KT337	Thương mại điện tử	2			30				
3	HG109	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu nông sản	3							
4	KT207	Mô phỏng tình huống trong kinh doanh	3			45		KT103, KT104, KT106		
5	KT361	Quản trị thương hiệu	3			30	30			
6	KT308	Quản trị tài chính	3			45				
7	KT362	Quản trị thương mại	3			45		KT104		
8	NS264E	Nông nghiệp công nghệ cao	2			25	10			
Tổng			11	0	11					
Học kỳ 3 - năm 4 (2027-2028)										

1	HG351	Luận văn tốt nghiệp - KDNN	10			300	≥ 105 TC		
2	HG352E	Tiểu luận tốt nghiệp - KDNN	4			120	≥ 105 TC		
3	KT420E	Dự báo kinh tế	3			45		KT471	
4	KT358E	Quản trị quan hệ khách hàng	2		10	45		KT318	
5	NS409	Quản lý và kiểm soát chất lượng sản phẩm	2			25	10		
6	HG354E	Chuyên đề tổng hợp Kinh doanh nông nghiệp	2				60	≥ 105 TC	
7	HG153	Thực tập tốt nghiệp	3				90		
8	KT360	Quản trị sản xuất	3			45			
Tổng			10	0	10				
Tổng cộng			141	99	42				

4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	Đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ. Xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia và đảm bảo trật tự an toàn xã hội.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	Được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, nề nếp chính qui, kỹ năng cơ bản thực hành các động tác Điều lệnh đội ngũ và các kỹ năng quân sự cần thiết, hiểu biết kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao, rèn luyện sức khỏe qua các nội dung quân sự và được trang bị kiến thức, kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, rèn luyện kỹ năng sử dụng lựu đạn trong chiến đấu, kỹ năng thực hành chiến đấu trong tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	3	Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung tượng trưng cho các học phần Giáo dục Thể chất sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng kí học phần TC100 mà thay vào đó sinh viên phải đăng kí vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học như: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng kí 03 học phần: Taekwondo 1(TC003), Taekwondo 2(TC004), Taekwondo 3,(TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự...	Khoa Giáo dục Thể chất
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	Chương trình môn Anh văn căn bản 1 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về những thông tin cá nhân, gia đình, nơi ở, những vật dụng trong đời sống hàng ngày, các môn thể thao, các hoạt động trong thời gian rảnh và mua sắm cơ bản. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3	Chương trình môn Anh văn căn bản 2 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về miền quê, thành phố các em yêu thích, ẩm thực, tổ chức sự kiện, thời trang, tiền tệ. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3	Chương trình môn Anh văn căn bản 3 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về các thể loại phim ảnh, khoa học công nghệ, du lịch và môi trường tự nhiên. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4	Học phần Anh văn tăng cường 1 (trong chương trình Anh văn tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần Anh văn tăng cường 2 (trong chương trình Anh văn tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 3 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	Khoa Ngoại ngữ
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	Học phần <i>Pháp văn căn bản 1</i> sẽ hướng người học đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như giới thiệu bản thân, gia đình, giới thiệu một người nào đó, nói về thói quen, sở thích, mua sắm, chỉ đường... Ngoài ra, các kiến	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				thức về ngôn ngữ, về văn hóa Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, người học sẽ được làm quen với cách phát âm, ngữ điệu, bản mẫu tự của tiếng Pháp, biết cách chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thời hiện tại, viết một số câu đơn giản... Nội dung của học phần <i>Pháp văn căn bản 1</i> sẽ được chia thành ba phần: phần 1 nói về những kiến thức liên quan đến giới thiệu bản thân, giới thiệu một nhân vật, nói về sở thích, phần 2 đề cập đến các kỹ năng tả người, mua sắm và phần 3 bàn về nội dung chỉ đường và cho lời khuyên. Những nội dung trong học phần này sẽ giúp người học phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 1 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3	Học phần <i>Pháp văn căn bản 2</i> sẽ hướng người học đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như hỏi thông tin, hỏi giờ, giải thích một vấn đề, nhận hay từ chối lời mời, nói về ngày làm việc của mình và nói về kế hoạch tương lai... Ngoài ra, người học cũng được làm quen với cách hỏi, đặt câu hỏi với các đại từ bỏ ngữ của tiếng Pháp, biết chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường, định vị trong không gian... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Nội dung của học phần <i>Pháp văn căn bản 2</i> sẽ được chia thành ba phần: phần 1 nói về những kiến thức liên quan đến hỏi giờ, thói quen hằng ngày và các môn thể thao yêu thích, phần 2 đề cập đến các kỹ năng miêu tả sự kiện trong quá khứ và phần 3 bàn về nội dung chấp nhận và từ chối lời mời. Những nội dung trong học phần này sẽ giúp người học phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 2 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3	Học phần <i>Pháp văn căn bản 3</i> sẽ hướng người học đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như nói về các ngày lễ, tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo, diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, giới thiệu các thành viên trong gia đình, kể lại một câu chuyện quá khứ. Ngoài ra, người học cũng nắm được các chủ điểm ngữ pháp như đại từ nhân xưng, thì quá khứ, thì tương lai đơn, thức mệnh lệnh với đại từ và các hình thức phủ định trong tiếng Pháp... Các kiến thức về văn hoá Pháp về sở thích, thói quen người Pháp... cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Nội dung của học phần <i>Pháp văn căn bản 3</i> sẽ được chia thành ba phần: phần 1 nói về những kiến thức liên quan đến sở thích và cho lời khuyên, phần 2 đề cập đến kỹ năng miêu tả sự kiện trong quá khứ và phần 3 nói về sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Những nội dung trong học phần này sẽ giúp người học phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4	Học phần <i>Pháp văn tăng cường 1</i> sẽ hướng người học đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày liên quan đến các chủ đề như miêu tả người, nhà ở, giải trí, công việc... của người Pháp và các quốc gia nói tiếng Pháp trong cộng đồng Pháp ngữ trên thế giới. Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hóa Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, người học sẽ nắm được những kiến thức về thì quá khứ gần, đại từ quan hệ, đại từ sở hữu, hòa hợp tính từ, các phép so sánh cũng như cách phát các âm [i], [e], [o]... Nội dung của học phần <i>Pháp văn tăng cường 1</i> sẽ được chia thành ba phần: phần 1 nói về những kiến thức liên quan đến gia đình và xã hội, phần 2 đề cập đến giới trẻ, thời trang và phần 3 bàn về nội dung cuộc sống và nhà ở. Những nội dung trong học phần này sẽ giúp người học phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 4 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần <i>Pháp văn tăng cường 2</i> sẽ hướng người học đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày liên quan đến các chủ đề về sức khỏe, công việc, các hoạt động thời gian rảnh của người Pháp và các quốc gia nói tiếng Pháp. Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hóa Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, người học sẽ nắm được những kiến thức về thì quá khứ, thì tương lai, hình thức phủ định và nội dung ngữ âm liên quan đến các âm [r], [l], [j]... Nội dung của học phần <i>Pháp văn tăng cường 2</i> sẽ được chia thành ba phần: phần 1 nói về thức ăn và thói quen ăn uống của người Pháp, phần 2 đề cập đến việc làm và những kỷ niệm thời học sinh và phần 3 bàn về nội dung Internet và lễ hội ở Pháp. Những nội dung trong học phần này sẽ giúp người học phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 4 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần <i>Pháp văn tăng cường 3</i> sẽ hướng người học đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày liên quan đến các chủ đề về phương tiện truyền thông, giao tiếp trên mạng xã hội, du lịch khám phá, về những kỉ niệm qua khứ... của người Pháp và các quốc gia nói tiếng Pháp. Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hóa Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, người học sẽ nắm được những kiến thức về thì quá khứ, thì tương lai, đại từ bỏ ngữ trực tiếp và gián tiếp, cách diễn đạt thời gian, subjonctif và nội dung ngữ âm liên quan đến các âm [r], [l], [e]... Nội dung của học phần <i>Pháp văn tăng cường 3</i> sẽ được chia thành ba phần: phần 1 nói về truyền hình và báo chí tại Pháp, phần 2 đề cập đến những kỷ niệm trong các chuyến đi du lịch và phần 3 bàn về giá trị của hạnh phúc và những điều quan tâm trong cuộc sống. Những nội dung trong học phần này sẽ giúp	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				người học phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 4 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.	Khoa Khoa học Tự nhiên
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	Khoa Khoa học Tự nhiên
20	ML014	Triết học Mác – Lênin	3	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về triết học Mác – Lênin bao gồm: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, Triết học Mác – Lênin và vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức; Chủ nghĩa duy vật lịch sử: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.	Khoa Khoa học Chính trị
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm; Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể khi tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt nam.	Khoa Khoa học Chính trị
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào một số vấn đề như: sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo; vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	Khoa Khoa học Chính trị
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo cuộc	Khoa Khoa học Chính trị

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Cùng với môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.	Khoa Khoa học Chính trị
25	KL001E	Pháp luật đại cương	2	Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...	Khoa luật
26	TN010	Xác suất thống kê	3	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất, làm cơ sở cho các học phần có liên quan đến lý thuyết xác suất và thống kê trong chuyên ngành. Học phần bao gồm hai phần: Phần xác suất và phần thống kê. - <i>Phần xác suất</i> : Những khái niệm cơ bản về lý thuyết xác suất, các công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên và các phân phối thông dụng, đại lượng ngẫu nhiên nhiều chiều và các tham số đặc trưng của chúng. - <i>Phần thống kê</i> : Tổng thể và mẫu, các tham số đặc trưng của tổng thể và mẫu, ước lượng tham số của đại lượng ngẫu nhiên, kiểm định tham số của đại lượng ngẫu nhiên, hồi quy và tương quan.	Khoa Khoa học tự nhiên

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
27	KT105	Toán kinh tế 1	3	Học phần gồm 06 chương nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở về các lý thuyết toán ứng dụng trong kinh tế làm nền tảng để sinh viên học các phần liên quan tiếp theo. Nội dung học phần gồm 2 phần: Phần 1 tìm hiểu về lý thuyết đại số tuyến tính, gồm có: Chương 1 về lý thuyết ma trận, định thức; chương 2 tìm hiểu về hệ phương trình tuyến tính; chương 3 tìm hiểu việc ứng dụng ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính trong kinh tế. Phần 2 tìm hiểu về lý thuyết vi tích phân, gồm có: Chương 1, 2 tìm hiểu về hàm một biến và việc ứng dụng hàm một biến trong kinh tế; chương 3 tìm hiểu về tích phân và một số ứng dụng; chương 4,5 tìm hiểu về hàm nhiều biến và ứng dụng và chương 6 tìm hiểu về phương trình vi phân và ứng dụng phương trình vi phân trong kinh tế.	Trường Kinh tế
28	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	Học phần này cung cấp những kiến thức nền tảng về kỹ năng giao tiếp, đặc biệt giao tiếp trong công sở (Communication for Business). Kỹ năng giao tiếp giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý giao tiếp hiệu quả, và sau đó tập trung ứng dụng các nguyên lý này vào các kỹ năng viết và nói. Cụ thể sinh viên sẽ được học các nguyên lý giao tiếp hiệu quả, giao tiếp với khách hàng, cá nhân hoặc nhóm, các nguyên lý về kỹ năng giao tiếp viết (tập trung vào kỹ năng viết báo cáo, email, thư giao dịch), kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thương lượng, giải quyết xung đột...	Trường Kinh tế
29	XH028	Xã hội học đại cương	2	Môn học nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
30	KN001E	Kỹ năng mềm	2	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học: kỹ năng giao tiếp, các nguyên lý chung về giao tiếp; các kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng quản lý cảm xúc.	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên
31	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thế mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
32	KT101	Kinh tế vi mô 1	3	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các ngành kinh tế những kiến thức cơ sở về các lý thuyết kinh tế làm nền tảng để sinh viên học các phần kinh tế tiếp theo. Nội dung cụ thể của học phần bao gồm giới thiệu cho người một cách khái quát chung về kinh tế học vi mô; cung cấp cho người học các lý thuyết về cung – cầu; những lý thuyết cơ bản về hành vi người tiêu dùng và hành vi trong sản xuất của các tổ chức doanh nghiệp nói chung; đặc điểm và bản chất hoạt động của các loại thị trường; và giới thiệu về thị trường các yếu tố đầu vào.	Trường Kinh tế và Khoa Phát triển Nông thôn
33	KT102	Kinh tế vĩ mô 1	3	Học phần gồm 08 chương nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở về các lý thuyết kinh tế vĩ mô làm nền tảng để sinh viên học các phần kinh tế tiếp theo. Nội dung cụ thể của học phần bao gồm; chương 1 mở đầu giới thiệu cho người một cách khái quát về kinh tế học vĩ mô; chương 2 cung cấp cho người học về các khái niệm và phương pháp tính GNP, GDP và CPI; chương 3 trình bày về việc phân phối thu nhập quốc dân trong nền kinh tế; chương 4 và chương 5 trình bày các nội dung về lạm phát và thất nghiệp; chương 6 tìm hiểu về hoạt động của nền kinh tế mở, đặc điểm và bản chất hoạt động của các loại thị trường; chương 7 tìm hiểu về tổng cung, tổng cầu trong nền kinh tế ngắn hạn và chương 8 tìm hiểu về mô hình IS-LM.	Trường Kinh tế
34	KT471	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh	3	Các nội dung của học phần nhằm trang bị cho các sinh viên ngành kinh tế những kiến thức cơ bản về các lý thuyết thống kê làm nền tảng để sinh viên học các phần tiếp theo và thực hiện các nghiên cứu khoa học. Nội dung học phần cụ thể bao gồm; chương giới thiệu chung về học phần; chương 1 hướng dẫn về phương pháp tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê; chương 2 tìm hiểu về các mức độ của hiện tượng kinh tế xã hội; chương 3 giới thiệu về phân phối chuẩn và phân phối mẫu; chương 4 phương pháp ước lượng khoảng tin cậy; chương 5 hướng dẫn về các phương pháp kiểm định giả thuyết; chương 6 tìm hiểu về tương quan và hồi quy tuyến tính; chương 7 tìm hiểu về dãy số thời gian và chương 8 hướng dẫn về phương pháp chọn mẫu.	Trường Kinh tế
35	HG151	Phương pháp nghiên cứu khoa học – Kinh doanh nông nghiệp	3	Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học – KDNN là một học phần quan trọng trong, tạo tiền đề cho thực hiện chuyên đề và luận văn/tiểu luận tốt nghiệp. Nội dung học phần cung cấp sinh viên một khung chung về cách thức tiến hành viết một đề cương nghiên cứu khoa học cũng như phương pháp thu thập và xử lý số liệu. Bên cạnh đó, thông qua phương pháp giảng dạy tương tác giữa giảng viên với sinh viên và giữa các sinh viên với nhau, sau khi hoàn thành khóa học sinh viên có thể hệ thống những kiến thức đã học và các vấn đề cần thiết hình thành đề cương nghiên cứu cũng như tạo ra những định hướng cơ bản trong nghiên cứu.	Khoa Phát triển Nông thôn

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
36	KL215	Luật thương mại	3	Học phần này giới thiệu tổng quan về Luật thương mại, cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về Luật thương mại như: lịch sử luật thương mại, lý luận về đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh và nguồn của luật thương mại; và Nghiên cứu các quy định về thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ và các hoạt động thương mại chủ yếu được quy định trong luật thương mại Việt Nam như xúc tiến thương mại, các dịch vụ trung gian thương mại, đấu thầu và bán đấu giá hàng hoá, gia công trong thương mại, nhượng quyền thương mại, khái niệm, đặc điểm, cơ cấu tổ chức, quản lý điều hành, quyền và nghĩa vụ của từng loại hình doanh nghiệp, HTX và việc cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.	Khoa Luật
37	HG105	Sản xuất và kinh doanh trong trồng trọt	2	Học phần cung cấp kiến thức toàn diện về ngành trồng trọt, bao gồm vai trò, vị trí, xu hướng phát triển, chính sách nhà nước, cơ hội và thách thức trong hội nhập kinh tế quốc tế. Sinh viên được trang bị kiến thức về sinh học cây trồng, kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc, thâm canh, sản xuất an toàn, bền vững, thu hoạch và công nghệ thu hoạch. Ngoài ra, học phần còn đề cập đến quản lý sản xuất cây trồng, chế biến bảo quản sản phẩm, kinh doanh sản phẩm trồng trọt theo hướng bền vững. Học phần này dành cho sinh viên ngành Nông nghiệp, các ngành liên quan và những người quan tâm đến lĩnh vực trồng trọt.	Khoa Phát triển Nông thôn
38	HG106	Sản xuất và kinh doanh trong chăn nuôi	2	Học phần kinh doanh trong chăn nuôi bao gồm 7 chương lý thuyết và 4 bài thực hành giúp người học tìm hiểu về ngành chăn nuôi của Việt Nam, bao gồm: tình hình và xu hướng phát triển; các yếu tố đầu vào như chuồng trại, con giống, thức ăn; các mô hình chăn nuôi và quy trình nuôi gà, vịt, heo, bò; cách thức bảo quản, chế biến sau thu hoạch sản phẩm động vật; và các quy định của pháp luật có liên quan đến việc sản xuất và kinh doanh trong chăn nuôi. Song song đó, người học đánh giá, phân tích được các nội dung liên quan đến thị trường; đánh giá được các cơ hội kinh doanh; so sánh, lựa chọn các ý tưởng kinh doanh và lập kế hoạch kinh doanh các sản phẩm chăn nuôi.	Khoa Phát triển Nông thôn
39	HG107	Sản xuất và kinh doanh trong thủy sản	2	Học phần kinh doanh trong thủy sản bao gồm 5 chương lý thuyết và 2 bài thực hành giúp người học tìm hiểu về ngành thủy sản của Việt Nam, bao gồm: tình hình và xu hướng phát triển của ngành thủy sản; các mô hình nuôi trồng thủy sản phổ biến; và các quy định của pháp luật có liên quan đến việc sản xuất và kinh doanh trong thủy sản. Song song đó, người học đánh giá, phân tích được các nội dung liên quan đến thị trường; đánh giá được các cơ hội kinh doanh; so sánh, lựa chọn các ý tưởng kinh doanh và lập kế hoạch kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	Khoa Phát triển Nông thôn
40	KT103	Quản trị học	3	Học phần gồm 09 chương nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở về các lý thuyết quản trị học làm nền tảng để sinh viên học các phần liên quan tiếp theo. Trong	Trường Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				đó: chương 1 giới thiệu tổng quan về quản trị học; chương 2 tìm hiểu về lịch sử hình thành và phát triển của quản trị học; chương 3 tìm hiểu về các loại môi trường của hoạt động tổ chức; chương 4 tìm hiểu về tài nguyên thông tin và vai trò của thông tin trong hoạt động quản trị; chương 5 tìm hiểu về hoạt động quyết định trong công tác quản trị; từ chương 6 đến chương 9 tìm hiểu chi tiết về các tiến trình của quản trị học (Hoạch định, Tổ chức, Lãnh đạo và Kiểm tra).	
41	KT104	Marketing căn bản	3	Học phần này nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu cho sinh viên về xây dựng và phát triển thương hiệu. Nội dung học phần gồm: (1) hoạch định chiến lược xây dựng thương hiệu; (2) hoạch định chiến lược định vị, phát triển và duy trì thương hiệu; (3) vấn đề nhượng quyền thương hiệu và định giá thương hiệu hàng hóa; (4) vấn đề đăng ký nhãn hiệu hàng hóa trong nước và quốc tế.	Trường Kinh tế và Khoa Phát triển Nông thôn
42	KT106	Nguyên lý kế toán	3	Học phần Nguyên lý kế toán cung cấp cho sinh viên các nội dung cơ bản về kế toán và ứng dụng các kiến thức này vào giải quyết một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Học phần nguyên lý kế toán gồm có 6 chương: chương 1 cung cấp các nội dung liên quan về tổng quan của kế toán, chương 2 cung cấp các nội dung về tổng hợp và cân đối kế toán, chương 3 cung cấp các nội dung về tài khoản và ghi sổ kép, chương 4 cung cấp các nội dung về kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu, chương 5 cung cấp các nội dung về chứng từ kế toán, chương 6 cung cấp các nội dung về sổ sách và các hình thức kế toán.	Trường Kinh tế và Khoa Phát triển Nông thôn
43	HG152	Thực tập cơ sở ngành Kinh doanh nông nghiệp	2	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế về hệ thống tổ chức sản xuất, chế biến, phân phối và kinh doanh nông nghiệp của các trang trại, HTX và các công ty, doanh nghiệp trong nước hoặc liên doanh với nước ngoài. Môn học còn giúp sinh viên hệ thống lại kiến thức đã được trang bị của các học phần: kinh tế nông nghiệp, kinh doanh nông nghiệp, marketing nông nghiệp, nghiệp vụ ngoại thương, phân tích hoạt động kinh doanh, quản trị doanh nghiệp nông nghiệp và HTX, hệ thống tổ chức sản xuất và kinh doanh nông nghiệp, kinh doanh quốc tế,...	Khoa Phát triển Nông thôn
44	KT318	Kinh tế nông nghiệp	3	Học phần này giới thiệu về vai trò của nông nghiệp đến phát triển kinh tế; tìm hiểu về kinh tế các nguồn lực sản xuất nông nghiệp; tìm hiểu về lý thuyết sản xuất nông nghiệp tìm hiểu về lý thuyết thị trường nông sản và sự can thiệp của chính phủ; tìm hiểu về lý thuyết thị trường tín dụng ở nông thôn và chương 6 trình bày về lý thuyết phát triển nông nghiệp bền vững.	Trường Kinh tế và Khoa Phát triển Nông thôn
45	PD327	Kinh tế phát triển nông thôn	3	Học phần giới thiệu các nội dung về vai trò nông nghiệp đối với phát triển kinh tế, chương 2 giới thiệu các nội dung về kinh tế các nguồn lực sản xuất nông nghiệp, chương 3 giới thiệu các nội dung về lý thuyết sản xuất nông nghiệp, chương 4 giới thiệu các nội dung về lý thuyết thay đổi và	Khoa Phát triển Nông thôn

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp, chương 5 giới thiệu các nội dung về lý thuyết thị trường nông sản và sự can thiệp của chính phủ, chương 6 giới thiệu các nội dung về lý thuyết thị trường tín dụng nông thôn.	
46	KT113	Kinh tế lượng	3	Học phần giới thiệu tổng quan về học phần; tìm hiểu về mô hình hồi quy đa biến; tìm hiểu về bản chất của hiện tượng phương sai sai số thay đổi; tìm hiểu về hiện tượng tự tương quan và đa cộng tuyến; tìm hiểu về mô hình sử dụng biến giả và biến bị chặn; trình bày về phương pháp kiểm định lựa chọn mô hình; phân tích các mô hình dãy số thời gian và giới thiệu phân tích dãy số liệu hồi quy với bảng số liệu theo không gian và thời gian.	Trường Kinh tế và Khoa Phát triển Nông thôn
47	HG255	Công nghệ bảo quản và chế biến nông thủy sản	3	Học phần công nghệ bảo quản và chế biến Nông – Lâm – Thủy sản được tổ chức thành 3 chương gồm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản. Mỗi chương gồm có các nội dung sau: Tính chất và đặc điểm của nguyên liệu; Các phương pháp và công nghệ bảo quản, chế biến sản phẩm Nông – Lâm – Thủy sản. Các phương thức thu hoạch, sơ chế, bảo quản và vận chuyển nguyên liệu; Các chỉ tiêu chất lượng và phương pháp kiểm tra chất lượng. Học phần cũng bao gồm nội dung thực tập, thực hành thực tế nhằm giúp sinh viên hiểu rõ hơn về cách bảo quản nguyên liệu và chế biến sản phẩm Nông – Lâm – Thủy sản.	Khoa Phát triển Nông thôn
48	KT411	Phân tích chính sách nông nghiệp	3	Học phần giới thiệu về một số khái niệm và khung phân tích chính sách và kinh tế học, phân tích ma trận chính sách, tác động của chính sách IPM trong nông nghiệp, nông nghiệp Việt Nam và WTO. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản về chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn, khung phân tích chính sách, chính sách trong kinh tế học. Bên cạnh đó, học phần còn giới thiệu một số chính sách như: chính sách giá, chính sách đất đai, chính sách thủy lợi,... Ngoài ra, học phần còn giới thiệu các tác động của chính sách IPM trong nông nghiệp.	Trường Kinh tế và Khoa Phát triển Nông thôn
49	HG251	Tổ chức sản xuất và kinh doanh nông nghiệp	3	Học phần tổ chức sản xuất và kinh doanh nông nghiệp nhằm cung cấp những kiến thức tổng quan về vai trò và đặc điểm trong việc sản xuất và kinh doanh nông nghiệp. Sinh viên được cung cấp những kiến thức về thách thức và xu hướng sản xuất và kinh doanh nông nghiệp trong cách mạng công nghiệp 4.0. Học phần còn trang bị kiến thức và giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các loại hình tổ chức sản xuất và kinh doanh trong nông nghiệp. Song song đó giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các kênh phân phối vật tư đầu vào trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Giúp sinh viên có thể xây dựng được các chiến lược trong việc phân phối vật tư đầu vào sản xuất cũng như chiến lược tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp một cách hiệu quả. Học phần còn giúp sinh viên có thể xây dựng được các mối liên kết trong sản xuất nông nghiệp một cách bền vững.	Khoa Phát triển Nông thôn

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
50	HG252	Thương mại nông nghiệp	3	Nội dung của học phần gồm 07 chương nhằm trang bị cho sinh viên nắm vững được cơ bản các hoạt động thương mại trong lĩnh vực nông nghiệp. Trong đó chương 1 giới thiệu tổng thể về thương mại nông nghiệp; chương 2 tìm hiểu về đặc điểm cung – cầu của các sản phẩm nông nghiệp; chương 3 hướng dẫn người học các phương pháp ước lượng cung – cầu trong nông nghiệp; chương 4 tìm hiểu về giá cả và thị trường trong nông nghiệp; chương 5, 6 tìm hiểu về quan hệ giữa các thị trường theo không gian và thời gian và cuối cùng là chương 7 tìm hiểu về phương pháp nghiên cứu thương mại trong nông nghiệp.	Khoa Phát triển Nông thôn
51	HG253E	Anh văn chuyên ngành Kinh doanh nông nghiệp	2	Học phần gồm 07 bài, cung cấp cho sinh viên một số từ vựng tiếng Anh thông dụng dùng trong giao tiếp phổ thông, tập trung vào các đề tài như nói con người, các vấn đề về nông nghiệp, nông thôn, các sản phẩm về nông nghiệp và thị trường, chiến lược và cách quản lý. Sinh viên có thể giao tiếp được các tình huống liên quan đến kiến thức thuộc ngành học.	Khoa Phát triển Nông thôn
52	HG108	Tiêu chuẩn thị trường nông sản	3	Học phần "Tiêu chuẩn thị trường nông sản" nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết để hiểu và áp dụng các tiêu chuẩn trong thị trường nông sản hiện đại, các nội dung chính của học phần gồm: (1) Giới thiệu về các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế hiện hành, bao gồm cả tiêu chuẩn về chất lượng, an toàn thực phẩm, và bảo vệ môi trường; (2) Tìm hiểu về các quy định pháp lý liên quan đến thị trường nông sản, bao gồm cả việc tuân thủ các tiêu chuẩn và chịu trách nhiệm pháp lý khi vi phạm; (3) Các phương pháp kiểm soát chất lượng sản phẩm từ khâu sản xuất đến tiêu thụ, và các biện pháp đảm bảo an toàn thực phẩm; (4) Tìm hiểu cách thức các tiêu chuẩn có thể thúc đẩy sản xuất bền vững và trách nhiệm xã hội trong ngành nông nghiệp và (5) Tìm hiểu về vai trò của công nghệ và đổi mới trong việc phát triển và thực hiện các tiêu chuẩn nông sản mới.	Khoa Phát triển Nông thôn
53	KT393	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	Học phần phân tích hoạt động kinh doanh bao gồm có 6 chương. Là một học phần nghiên cứu, phân tích, đánh giá tình hình kinh tế – tình hình tài chính và nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả của tình hình đó. Kết quả phân tích là cơ sở dự báo, hoạch định chính sách và ra quyết định hoạt động kinh doanh của tất cả các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế.	Trường Kinh tế
54	HG254	Xây dựng và quản lý dự án kinh doanh	2	Học phần xây dựng và quản lý dự án kinh doanh gồm có 4 chương. Chương 1 giới thiệu tổng quan về xây dựng và quản lý dự án kinh doanh. Chương 2 trình bày về phương pháp xây dựng một dự án kinh doanh. Chương 3 giới thiệu phương pháp quản lý dự án kinh doanh. Chương 4 trình bày về phương pháp giám sát và đánh giá dự án kinh doanh. Ở học phần này sinh viên cũng sẽ được hướng dẫn thực hành để xây dựng một dự án kinh doanh.	Khoa Phát triển Nông thôn

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
55	KT243	Quản trị rủi ro trong thị trường nông sản	2	Học phần này trình bày chi tiết các bước trong quy trình quản trị rủi ro: từ nhận dạng, đo lường, đến kiểm soát và tài trợ nếu thiệt hại xảy ra. Các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp hạng rủi ro. Một số rủi ro đặc thù như rủi ro hoạt động, rủi ro tài chính, rủi ro trong thẩm định và quản trị dự án, rủi ro tỉ giá, rủi ro trong đầu tư...được giới thiệu trong học phần để giúp người học có thêm hiểu biết và kinh nghiệm cụ thể về quản trị rủi ro cho các đối tượng này.	Trường Kinh tế
56	HG201E	Khởi sự doanh nghiệp nông nghiệp	2	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức về kinh doanh nông nghiệp, hình thành nên ý tưởng kinh doanh, các bước để tiến hành khởi sự doanh nghiệp, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh và thiết kế chiến lược marketing sản phẩm nông nghiệp.	Khoa Phát triển Nông thôn
57	HG256E	Quản trị và điều hành các tổ chức kinh tế hợp tác	2	Học phần quản trị và điều hành các tổ chức kinh tế hợp tác gồm có 3 chương. Chương 1: Tổng quan về kinh tế hợp tác. Chương 2: Những quy định chung về các tổ chức kinh tế hợp tác. Chương 3: Quản trị và điều hành các tổ chức kinh tế hợp tác. Trong học phần này, sinh viên sẽ đi tham quan thực tế một HTX hay một tổ hợp tác sản xuất.	Khoa Phát triển Nông thôn
58	KT428	Kỹ thuật đàm phán	2	Học phần kỹ thuật đàm phán cung cấp cho giúp sinh viên những vấn đề chung về đàm phán, thương lượng trong kinh doanh, cũng như nắm được các kỹ năng đàm phán cần thiết trong kinh doanh. Học phần gồm có 5 chương: chương 1 giới thiệu các nội dung về khái niệm chung trong giao tiếp, chương 2 giới thiệu các nội dung về khái niệm cơ bản về đàm phán, chương 3 giới thiệu các nội dung về các kỹ năng cơ bản của đàm phán viên, chương 4 giới thiệu các nội dung về chuẩn bị đàm phán, chương 5 giới thiệu các nội dung về các bài học kinh nghiệm trong đàm phán.	Trường Kinh tế
59	HG257	Thực tập chuyên ngành Kinh doanh nông nghiệp	2	Học phần thực tập chuyên ngành kinh doanh nông nghiệp được tổ chức giảng dạy gồm có 14 ngày học tập thực tế của sinh viên tại các doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp. Học nhằm phân trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế về hoạt động sản xuất và kinh doanh của các trang trại, HTX và các công ty, doanh nghiệp trong nước hoặc liên doanh với nước ngoài. Học phần còn giúp sinh viên hệ thống lại kiến thức đã được trang bị của các học phần: kinh tế nông nghiệp, kinh doanh nông nghiệp, marketing nông nghiệp, nghiệp vụ ngoại thương, phân tích hoạt động kinh doanh, quản trị doanh nghiệp nông nghiệp và HTX, hệ thống tổ chức sản xuất và kinh doanh nông nghiệp, kinh doanh quốc tế,...	Khoa Phát triển Nông thôn
60	KT206E	Đạo đức kinh doanh và văn hóa	2	Học phần gồm 05 chương được tổ chức thành hai phần chính; đạo đức trong kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp. Phần đạo đức trong kinh doanh, gồm: chương 1 giới thiệu khái quát về đạo đức kinh doanh và chương 2 trình bày hoạt động xây dựng đạo đức trong kinh doanh. Phần văn hóa	Trường Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		doanh nghiệp		doanh nghiệp gồm 3 chương: chương 3 trình bày khái quát về văn hóa doanh nghiệp, chương 4 trình bày về hoạt động xây dựng văn hóa doanh nghiệp và cuối cùng chương 5 trình bày về văn hóa doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh.	
61	KT337	Thương mại điện tử	2	Nội dung của học phần giới thiệu cho sinh viên kiến thức tổng quan về thương mại điện tử, một số mô hình thương mại điện tử cũng như cách thức giao dịch trong thương mại điện tử. Ngoài ra, học phần còn đề cập đến những vấn đề liên quan đến hoạt động thương mại điện tử như marketing điện tử, thanh toán điện tử và vấn đề an toàn trong giao dịch thương mại điện tử. Bên cạnh đó, những tình huống thực tế và bài tập thực hành từ thực tiễn kinh doanh của các doanh nghiệp thương mại điện tử cũng được đưa vào để giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học.	Trường Kinh tế
62	PD321	Phân tích chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị sản phẩm	3	Học phần nhằm giúp sinh viên biết tổng thể về chuỗi giá trị của một sản phẩm từ lúc sản xuất đến khi tiêu thụ sẽ qua các tác nhân nào, vai trò và trách nhiệm của mỗi tác nhân trong chuỗi cung ứng của sản phẩm hay của một tổ chức, cũng như mức đóng góp và nhận về của mỗi tác nhân trong cơ cấu chi phí và lợi nhuận chuỗi. Phân tích chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị nhằm giảm chi phí sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm hay của tổ chức, nâng cao chất lượng và nâng cao lợi thế cạnh tranh trên thị trường.	Khoa Phát triển Nông thôn
63	HG109	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu nông sản	3	Nội dung của học phần gồm 07 chương nhằm trang bị cho sinh viên các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ xuất, nhập khẩu nông sản. Trong đó, chương 1 giới thiệu tổng quan kinh doanh xuất nhập khẩu nông sản (Khái niệm, đặc điểm, vai trò, quy trình và cách thức phân tích thị trường trong hoạt động xuất nhập khẩu nông sản); chương 2 tìm hiểu về các quy định pháp lý liên quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu nông sản; chương 3 tìm hiểu về nội dung thực hiện giao dịch, đàm phán, ký kết hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu nông sản; chương 4 tìm hiểu chi tiết về các nội dung tổ chức thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu; chương 5 tìm hiểu về hoạt động chuẩn bị xuất nhập khẩu nông sản; chương 6 tìm hiểu về hoạt động Vận tải và bảo hiểm hàng hóa trong kinh doanh xuất nhập khẩu nông sản và chương 7 tìm hiểu về nghiệp vụ thanh toán và giải quyết khiếu nại trong kinh doanh xuất nhập khẩu nông sản.	Khoa Phát triển nông thôn
64	KT207	Mô phỏng tình huống trong kinh doanh	3	Học phần gồm 07 chương, các chương của học phần nhằm hướng dẫn sinh viên hiểu về các lý thuyết mô phỏng rời rạc theo sự kiện và mô phỏng hệ thống liên tục. Trong nội dung mô phỏng rời rạc, người học được giới thiệu về khái niệm mô phỏng và nguyên tắc mô phỏng bằng tay cũng như mô phỏng trên bảng tính. Trong nội dung mô phỏng hệ thống liên tục, người học được giới thiệu về tư tưởng hệ thống và các công cụ để hỗ trợ cho tư duy hệ thống, trong đó có mô hình hóa hệ thống liên tục.	Trường Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
65	KT361	Quản trị thương hiệu	3	Học phần này nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu cho sinh viên về xây dựng và phát triển thương hiệu. Nội dung học phần gồm: (1) hoạch định chiến lược xây dựng thương hiệu; (2) hoạch định chiến lược định vị, phát triển và duy trì thương hiệu; (3) vấn đề nhượng quyền thương hiệu và định giá thương hiệu hàng hóa; (4) vấn đề đăng ký nhãn hiệu hàng hóa trong nước và quốc tế.	Trường Kinh tế
66	KT308	Quản trị tài chính	3	Nội dung chính của học phần bao gồm những vấn đề về quản trị tài chính doanh nghiệp liên quan đến việc ra quyết định đầu tư. Một các cụ thể, học phần này được cấu trúc thành 7 chương, chủ yếu tập trung vào các vấn đề: (1) Báo cáo tài chính và phân tích báo cáo tài chính; (2) Giá trị thời gian của tiền tệ; (3) Lợi nhuận và rủi ro trong đầu tư tài chính; (4) Định giá trái phiếu và cổ phiếu; (5) Chi phí vốn; (6) Phân tích tài chính dự án và ra quyết định đầu tư.	Trường Kinh tế
67	KT362	Quản trị thương mại	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh doanh thương mại trong điều kiện nền kinh tế thị trường, môi trường kinh doanh, thị trường và phát triển thị trường, quản trị mua hàng và quản trị dự trữ hàng hóa, quản trị bán hàng, các dịch vụ khách hàng, xúc tiến bán hàng, quản trị nhân sự, vốn và chi phí ở các doanh nghiệp thương mại. Khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn hoạt động quản trị một đơn vị kinh doanh thương mại cụ thể.	Trường Kinh tế
68	NS264E	Nông nghiệp công nghệ cao	3	Học phần giúp sinh viên tư duy, phân tích, đánh giá nhằm giải quyết những vấn đề nảy sinh trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành để hiểu được nguyên lý, giải thích mối quan hệ giữa các nhân tố sinh học với chu trình sản xuất NNCNC; Vận dụng được các về công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa và kiến thức chuyên ngành để vận hành trang thiết bị, thực hiện quy trình công nghệ và quản lý chất lượng sản phẩm; Vận dụng kiến thức quản lý và phát triển thị trường để tổ chức tốt các hoạt động sản xuất, xây dựng thương hiệu và quảng bá sản phẩm theo chuỗi giá trị; Vận dụng kiến thức tổng hợp trong quản lý và kỹ thuật để tổ chức nghiên cứu và phát triển các chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	Khoa Nông nghiệp và Khoa Phát triển Nông thôn
69	HG351	Luận văn tốt nghiệp – Kinh doanh nông nghiệp	10	Luận văn tốt nghiệp là một công trình khoa học quan trọng của sinh viên, nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức đã tiếp thu trong lĩnh vực chuyên ngành để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn các hoạt động sản xuất kinh doanh đặt ra. Luận văn tốt nghiệp được tổ chức thời gian thực tập từ 15 – 20 tuần. Nội dung luận văn tốt nghiệp được cấu trúc thành 04 phần chính gồm: (1) Phần mở đầu, (2) Phần phương pháp nghiên cứu, (3) Phần kết quả và thảo luận và (4) Phần Kết luận và kiến nghị.	Khoa Phát triển Nông thôn

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
70	HG352	Tiểu luận tốt nghiệp – Kinh doanh nông nghiệp	4	Tiểu luận tốt nghiệp là một công trình khoa học quan trọng của sinh viên, nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức đã tiếp thu trong lĩnh vực chuyên ngành để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn các hoạt động sản xuất kinh doanh đặt ra. Tiểu luận tốt nghiệp được tổ chức thời gian thực tập từ 10 – 15 tuần. Nội dung tiểu luận tốt nghiệp được cấu trúc thành 04 phần chính gồm: (1) Phần mở đầu, (2) Phần phương pháp nghiên cứu, (3) Phần kết quả và thảo luận và (4) Phần Kết luận và kiến nghị	Khoa Phát triển Nông thôn
71	KT420E	Dự báo kinh tế	3	Học phần gồm 07 chương, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phương pháp và các mô hình thường được áp dụng trong thực hiện các dự báo trong kinh tế. Nội dung cụ thể của học phần bao gồm; chương 1 giới thiệu tổng quan về các hoạt động phân tích dự báo; chương 2 cung cấp cho người học về phương pháp xây dựng cơ sở dữ liệu và phân tích dữ liệu; chương 3 giới thiệu về các mô hình dự báo gián đơn; chương 4 giới thiệu về phương pháp dự báo bằng phân tích hồi quy; chương 5 giới thiệu về mô hình dự báo ARIMA; chương 6 giới thiệu mô hình ARCH/GARCH và chương 7 giới thiệu các mô hình nhân quả.	Trường Kinh tế
72	KT358E	Quản trị quan hệ khách hàng	3	Học phần quản trị quan hệ khách hàng nhằm phát triển các kiến thức cơ bản về việc tổ chức và điều hành các hoạt động quản trị mối quan hệ với khách hàng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cụ thể, học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vai trò và tầm quan trọng của quản trị quan hệ khách hàng, chiến lược quan hệ khách hàng, quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng. Học phần cũng cung cấp kiến thức về kiểm tra đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản trị quan hệ khách hàng.	Trường Kinh tế
73	NS409	Quản lý và kiểm soát chất lượng sản phẩm	2	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức liên quan về quản lý và kiểm soát chất lượng sản phẩm nông sản cũng như các quy định của luật (quốc gia và quốc tế) về sản phẩm nông sản. Các nội dung chính bao gồm: (1) Giới thiệu về các quy định và yêu cầu của sản phẩm (2) Kiến thức và mối quan hệ giữa chất lượng và an toàn của sản phẩm (3) Mối nguy (hóa học, sinh học, chất dị ứng và vật lý) gây mất an toàn sản phẩm (4) Các hệ thống quản lý nhằm đảm bảo chất lượng và an toàn đối với nông sản như: HACCP, ISO, BRC, IFS, GlobalGAP.	Khoa Phát triển Nông thôn và Viện công nghệ sinh học và thực phẩm
74	HG354E	Chuyên đề tổng hợp Kinh doanh nông nghiệp	2	Học phần nhằm giúp sinh viên nghiên cứu, phân tích và tổng hợp các vấn đề có liên quan trong lĩnh vực kinh tế nói chung và kinh doanh nông nghiệp nói riêng. Học phần giúp sinh viên ứng dụng các lý thuyết đã được trang bị về kinh doanh nông nghiệp để phân tích một vấn đề cụ thể trong thực tế thuộc lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp của Việt Nam và các nước trên thế giới.	Khoa Phát triển Nông thôn

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
75	HG153	Thực tập tốt nghiệp	3	Học phần nhằm giúp sinh viên tiếp cận và thực hiện các công việc của một nhân viên doanh nghiệp. Học phần giúp sinh viên vận dụng và ứng dụng các kiến thức đã được học vào thực tế công việc của doanh nghiệp hay cơ quan nhà nước. Học phần còn giúp sinh viên trải nghiệm công việc, nâng cao kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm cũng như khả năng làm việc độc lập	Khoa Phát triển Nông thôn
76	KT360	Quản trị sản xuất	3	Sản xuất là một hoạt động luôn biến đổi một cách nhanh chóng nhằm ngày càng đáp ứng nhiều hơn nhu cầu rất đa dạng của thị trường. Sự thay đổi các công nghệ sản xuất, việc áp dụng những thành tựu của công nghệ thông tin, thành tựu của cơ khí hóa, tự động hóa đã ảnh hưởng rất lớn đến phương cách quản lý các doanh nghiệp sản xuất. Các doanh nghiệp cũng cần phải dự báo, tính toán lựa chọn địa điểm, bố trí mặt bằng, mua sắm vật tư, kiểm tra kiểm soát tồn kho, lập lịch tiến độ sản xuất,... bất kể doanh nghiệp sản xuất ra những sản phẩm đơn giản hay phức tạp. Mục tiêu của học phần này nhằm giới thiệu sinh viên nắm những vấn đề cơ bản và những tình huống cụ thể phải giải quyết trong quá trình quản trị sản xuất.	Trường Kinh tế

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

5. Phương pháp giảng dạy và học tập

Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào đặc trưng của từng ngành học, nội dung từng học phần, mà giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau. Đối với hình thức tổ chức dạy học có thể gồm những hình thức như: dạy trực tiếp trên lớp học hay ngoài cộng đồng (tại những cơ sở sản xuất, kinh doanh,...) hoặc dạy học trực tuyến. Đối với phương pháp dạy và học, giảng viên thường sử dụng độc lập hoặc kết hợp nhiều phương pháp dạy học đa dạng như sau: Dạy học hợp tác; Tham quan thực tế; Thuyết trình; Dạy học trải nghiệm: Thực hành, quan sát; Dạy học thông qua dự án; Nghiên cứu trường hợp/ Tình huống: Giải quyết vấn đề; Diễn giảng kết hợp với thực hành một kỹ năng hay một chủ đề nào đó; Diễn giảng kết hợp với sử dụng câu hỏi; Diễn giảng có liên hệ thực tế rõ ràng và Diễn giảng truyền thống.

6. Phương pháp đánh giá

- Phương pháp đánh giá được giảng viên lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học đồng thời đảm bảo đo được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo mong muốn người học đạt được. Có hai hình thức đánh giá người học được giảng viên sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt tiến trình đào tạo) và đánh giá tổng hợp thực hiện định kỳ vào giữa và cuối các tiến trình học tập (ví dụ như đánh giá giữa học kỳ và đánh giá cuối học kỳ). Các phương pháp đánh giá trực tiếp và gián tiếp thông qua: trắc nghiệm, tự luận, câu trả lời ngắn, ý kiến thảo luận, sản phẩm của nhóm, bài thuyết trình, kiểm tra thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, vấn đáp, báo cáo, khóa luận tốt nghiệp...

- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

TL. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG KHOA PHỤ TRÁCH

Cần Thơ, ngày 19 tháng 08 năm 2024

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Chữ ký và họ tên)



Lê Thanh Sơn

Võ Hồng Tú

PHỤ LỤC
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN